

Thách thức và định hướng quản lý tài nguyên nước nhằm phát triển bền vững vùng Đồng bằng sông Cửu Long

○ HOÀNG VĂN BẦY

Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên nước

Tài nguyên nước là nền tảng cơ bản để phát triển KT-XH, mọi hoạt động phát triển KT-XH phải dựa trên khả năng thực tế của nguồn nước, phù hợp với các xu thế diễn biến nguồn nước trong tương lai. Vì vậy, giải quyết vấn đề TNN, bảo đảm khai thác, sử dụng là cần thiết để đáp ứng các yêu cầu phát triển bền vững vùng ĐBSCL trong bối cảnh nêu trên, điều này đòi hỏi phải có cách nhìn nhận mới về cách thức quản lý, sử dụng nguồn nước.

Thực trạng tài nguyên nước vùng Đồng bằng sông Cửu Long

Xu thế diễn biến nguồn nước vào ĐBSCL thời gian gần đây: Căn cứ vào chuỗi số liệu từ 1996-2016 cho thấy, dòng chảy vào ĐBSCL có xu hướng giảm: Tổng dòng chảy mùa lũ vào ĐBSCL có xu thế giảm, trung bình mỗi năm giảm khoảng 1,87 tỷ m³ (tương ứng khoảng 120 m³/s), trong đó, lượng giảm trên nhánh sông Tiền chiếm 60%. Tổng lượng dòng chảy mùa lũ của các năm 2010, 2012, 2015 và 2016 nhỏ hơn trung bình nhiều năm (chỉ đạt khoảng 75-90% so với TBNN), gây ra sụt giảm lượng trữ nước cho mùa cạn. Tổng dòng chảy mùa cạn vào ĐBSCL có xu thế giảm, trung bình mỗi năm giảm khoảng 0,18 tỷ m³ (tương ứng khoảng 11,7 m³/s). Tổng dòng chảy mùa cạn vào ĐBSCL của các năm 2010, 2013, 2015 và 2016 nhỏ hơn trung bình nhiều năm (chỉ đạt khoảng 75-90% so với TBNN), đã gây ra hạn hán, thiếu nước nghiêm trọng.

Trong mùa khô năm 2015-2016, biến động thời tiết do hiện tượng El Niño, toàn bộ LVS Mê Công đang đối mặt với một mùa khô rất khắc nghiệt, trong đó, vùng ĐBSCL đang phải chịu các tác động nghiêm trọng của hạn hán và xâm nhập mặn lịch sử và có diễn biến cực kỳ phức tạp, cụ thể, dòng chảy vào ĐBSCL giảm ở mức lịch sử. Mặc dù, Trung Quốc đã xả nước từ đập Cảnh Hồng (tháng 1/2016), về tới Tân Châu và Châu Đốc với tổng lượng khoảng 213 triệu m³, nhưng do lượng nước từ Biển Hồ chảy vào dòng chính sông Mê Công thông qua trạm Precc-đam (cách Việt Nam 185 km) bị suy giảm mạnh kết hợp với hiện tượng không có mưa nội tại trên toàn Châu thổ Mê Công, nên dòng chảy sông Mê Công tại Tân Châu và Châu Đốc trong mùa khô 2016 đạt mức nhỏ nhất, thậm chí đạt mức lịch sử. Số liệu quan trắc cho thấy, tổng lượng dòng chảy tại Tân Châu và Châu Đốc tháng 12/2015 giảm 50%, tháng 1/2016

giảm 45%, tháng 2 giảm 32%, tháng 3 giảm 24% so với TBNN.

Định hướng quản lý, sử dụng tài nguyên nước vùng ĐBSCL

Tài nguyên nước - nền tảng cơ bản để phát triển KT-XH vùng ĐBSCL trong tương lai - đã, đang và sẽ tiếp tục biến đổi sâu sắc, đòi hỏi phải có những thay đổi căn bản về cách thức quản lý, sử dụng nước, hạn chế các tiêu cực hay tính bất định, khó lường trước để bảo đảm phát triển bền vững ĐBSCL trong các thập niên còn lại của thế kỷ này. Theo đó, ngoài những vấn đề chung, cần thiết phải xem xét, phân vùng lại căn cứ những vấn đề cơ bản liên quan đến sử dụng nước: Mặn - ngọt - lũ. Theo đó, ĐBSCL được phân thành 3 vùng như sau: Vùng trên: sống chung với lũ; vùng giữa: Bảo đảm cung cấp nước ngọt cho vùng và vùng ven biển, chống lũ an toàn cho các đô thị, KCN và khu dân cư; vùng ven biển: Sống chung với nước lợ, nước mặn.

Trên cơ sở, việc phân vùng nêu trên, bên cạnh các định hướng, giải pháp quản lý, sử dụng nước chung của cả vùng, cần phải có những định hướng, giải pháp quản lý, sử dụng nước - đất cụ thể cho từng tiểu vùng, gắn với các mục tiêu, yêu cầu cơ bản của từng vùng.

Giải quyết vấn đề TNN, bảo đảm khai thác, sử dụng đáp ứng các yêu cầu phát triển KT-XH bền vững vùng ĐBSCL, đòi hỏi phải có cách nhìn nhận mới về cách thức quản lý, sử dụng nguồn nước. Mọi hoạt động phát triển KT-XH phải dựa trên khả năng thực tế của nguồn nước, cân bằng nước, phù hợp với các xu thế diễn biến nguồn nước trong tương lai và phải bảo đảm tính tổng thể, thống nhất toàn vùng, đồng thời phù hợp với từng tiểu vùng.

Thứ nhất, là phải bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất trong các quy hoạch phát triển trên phạm vi không gian chung của cả vùng, nhưng không phá vỡ tính đặc thù của từng tiểu vùng. Quy hoạch tổng thể phát KT-XH, các quy hoạch ngành, lĩnh vực, đặc biệt là quy hoạch thủy lợi, cấp nước, giao thông thủy, nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản phải trên cơ sở khả năng thực tế của nguồn nước và những xu thế biến đổi của nguồn nước trong tương lai. Đồng thời, phải bảo đảm các yêu cầu cơ bản đối với từng tiểu vùng: Sống chung với lũ - tại vùng trên; bảo đảm nước ngọt, chống lũ an toàn - tại vùng giữa và sống chung với mặn, lợi ở vùng ven biển.

Thứ hai, quy hoạch TNN, các chính sách về quản lý, sử dụng nước phải được đặt trong bối cảnh tác động kép, xu thế biến đổi của TNN trong tương lai, kết hợp với những dự báo dài hạn để

có các giải pháp phù hợp bảo đảm cấp nước an toàn cho toàn vùng và từng tiểu vùng tiết kiệm nước ngọt, sống chung với hạn và mặn, bảo đảm nước ngọt cho sinh hoạt của người dân và đáp ứng các yêu cầu cơ bản đối với từng tiểu vùng.

Thứ ba, có cơ chế quản lý, giám sát việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông nghiệp, thủy lợi, phòng, chống lũ, giao thông, xây dựng... bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất trên toàn vùng, không phá vỡ các yêu cầu cơ bản đối với từng tiểu vùng và phải cân nhắc, xem xét kỹ, ưu tiên các giải pháp tối ưu.

Thứ tư, không thể tách rời TNN của ĐBSCL với những vấn đề về khai thác, sử dụng nước ở thượng nguồn sông Mê Công. Vấn đề cơ bản, cốt lõi là giải quyết trên phạm vi toàn lưu vực, bao gồm cả 6 quốc gia có chung dòng sông Mê Công. Để bảo đảm an ninh nguồn nước đối với ĐBSCL trong bối cảnh các tác động kép, cần tiếp tục kiên trì hợp tác, đấu tranh bằng các hình thức đa dạng, phù hợp, trên nhiều diễn đàn nhằm bảo đảm khai thác sử dụng công bằng hợp lý nguồn nước chung của 6 quốc gia trên LVS Mê Công và bảo đảm sử dụng nước ở bất kỳ một quốc gia nào cũng không được gây hại đáng kể cho các quốc gia khác theo Công ước về Luật Sử dụng các nguồn nước liên quốc gia cho mục đích phi giao thông thủy và thông lệ quốc tế.

Định hướng đối với từng vùng

Đối với vùng trên của ĐBSCL: Bảo đảm yêu cầu sống chung với lũ và trữ nước. Theo đó, cần phát triển ngành nông nghiệp dựa vào lũ và thực hiện các giải pháp để phòng lũ, tiêu thoát lũ, tạo không gian trữ lũ và dự trữ không

gian cho hệ thống tiêu thoát lũ, kiểm soát lũ.

Đối với vùng giữa ĐBSCL: Bảo đảm yêu cầu cung cấp nước ngọt, chống lũ an toàn cho các khu vực trọng yếu. Theo đó, cần thực hiện các biện pháp để kiểm soát nước ngọt, nước mặn tại các dòng sông, trữ nước ngọt trong kênh, rạch, chống lũ an toàn cho các đô thị, KCN, khu vực nông thôn và các khu vực QP-AN và các giải pháp để bảo đảm cung cấp nước ngọt cho nội vùng và vùng ven biển.

Đối với vùng ven biển: Thực hiện sống chung với nước mặn. Cần chuyển đổi căn bản sang nền kinh tế nước lợ, nước mặn và thực hiện các giải pháp bảo vệ bờ biển theo hướng kết hợp khôi phục, phát triển, mở rộng không gian rừng ngập mặn kết hợp với công trình gia cố bờ biển ở những khu vực thích hợp; thực hiện giải pháp công trình mềm (không kết hợp với đường giao thông, tạo không gian để phát triển rừng ngập mặn ngoài đê...).

Để bảo đảm quản lý, sử dụng bền vững TNN vùng ĐBSCL, đáp ứng các yêu cầu chuyển đổi mô hình phát triển KT-XH theo hướng phù hợp với quy luật tự nhiên, hài hòa giữa các ngành, địa phương và bảo đảm quản lý tổng hợp, thống nhất TNN trên toàn vùng, trong thời gian tới, cần tập trung rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chính sách, pháp luật về TNN cho phù hợp. Đồng thời, xây dựng và vận hành mạng quan trắc, giám sát TNN, xây dựng cơ sở dữ liệu tích hợp dùng chung cho cả vùng; xây dựng quy hoạch TNN... Cùng với đó, cần phải đổi mới cơ chế điều phối, giám sát các hoạt động khai thác, sử dụng, bảo vệ TNN vùng ĐBSCL, gắn với các hoạt động khai thác, sử dụng nước ở thượng nguồn. ■